

CHẾ ĐỘ ĐA SUẤT VÀ NGUỒN NGOẠI TỆ KIỀU BÀO VÀ DU KHÁCH

TS. LÊ KHOA

Kể từ khi Bộ tài chính thu thuế trên kiều hối gửi về Việt Nam, số USD chuyển qua ngân hàng do kiều bào gửi về TP Hồ Chí Minh và các nơi khác trong nước để giúp gia đình đã giảm hẳn, ước đến 30-50% và theo nhiều nguồn tin còn tiếp tục giảm. Từ đó có ý kiến rằng Bộ tài chính đã “giết con gà đẻ trứng vàng” với thiện ý tăng thu cho ngân sách?

I. NHỮNG ĐẶC TÍNH CỦA NGOẠI TỆ KIỀU HỐI VÀ DU KHÁCH

USD viện trợ, đầu tư ngoại quốc, xuất khẩu, đi vay mượn của nước ngoài, kiều hối, USD du khách đều là USD, nhưng mỗi thứ đều có những đặc tính khác nhau về phương diện tiền tệ, ngân hàng.

USD viện trợ, trên nguyên tắc, là rất quý, vì Việt Nam cũng trên nguyên tắc không phải chi gì cả, mà số tiền viện trợ đến với Ngân hàng Nhà nước hay ngân sách Việt Nam. Tuy nhiên, ít có nước nào như Liên Xô cũ đã viện trợ vô tư cho Việt Nam từ 1950 đến 1990 mà không đòi một đối khoản nào. Miền Nam nước Việt đã nhận “viện trợ” Mỹ từ 1954 đến 1975, điều kiện viện trợ, theo thỏa ước “mặt” giữa Diệm và Mỹ, là phải

tổng động viên toàn bộ lực lượng trong nước chống Cộng. Với điều kiện trên, Mỹ bằng lòng viện trợ, nhưng không giao USD, mà chỉ cho phép Sài Gòn đặt mua hàng tại Mỹ: khi mua, các nhà nhập khẩu miền Nam phải đóng tiền Sài Gòn vào Quỹ đối giá viện trợ Mỹ, và Mỹ dùng tiền này để trả lương cho quân lính Sài Gòn. Sài Gòn chỉ được phép mua những mặt hàng được Mỹ duyệt, trong số đó có gạo, mặc dù miền Nam có nhiều năm dư gạo cũng phải mua gạo. Ngày nay, viện trợ các nước dành cho Việt Nam không kèm điều kiện chính trị hay quân sự, nhưng viện trợ nước ngoài thường kèm theo tiền cho vay (cũng được gọi là viện trợ, như viện trợ của Nhật chỉ có 13% là viện trợ không bồi hoàn, còn 87% là tiền cho vay). Viện trợ không bồi hoàn và tiền cho vay đều dùng để đặt hàng nơi nước viện trợ. Suy ra, viện trợ và tiền cho vay là phương pháp gia tăng xuất khẩu của nước ngoài sang Việt Nam.

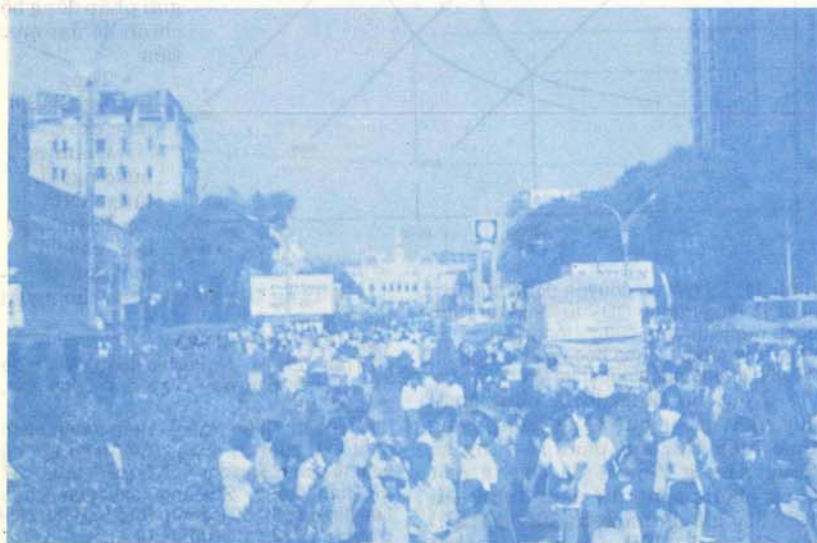
Đó là điều kiện tối thiểu để có được viện trợ và tiền vay nước ngoài.

Tiền vay dĩ nhiên phải hoàn trả, vốn và lãi. Tiền vay phân biệt ở chỗ ngắn hạn, dài hạn, lãi cao hay lãi

thấp. Dĩ nhiên những số tiền vay dài hạn với lãi suất thấp là quý nhất, còn những số tiền vay ngắn hạn với lãi suất cao (như L/C trả chậm vài tháng) dùng để nhập những hàng tiêu dùng không mấy cần thiết rất nguy hiểm. Khi vay nợ, có thể dùng tiền vay để nhập máy, vật tư để tăng sản xuất, xuất khẩu (như vậy là tốt), có thể hoàn trả được nợ đáo hạn, nhưng cũng có thể dùng tiền vay để nhập khẩu hàng tiêu dùng, vật tư và máy đã sản xuất được trong xứ, (như vậy có thể không trả được nợ, khi nợ đáo hạn). Do đó, khi xét ngoại tệ vay nước ngoài, cũng nên đặt vấn đề: vay tiền để làm gì? Và làm sao để trả được tiền vay, vốn và lãi, khi nợ đáo hạn?

USD do xuất khẩu mà có, là nguồn ngoại tệ tự bản thân trong nước sản xuất ra mà có. Nguồn ngoại tệ xuất khẩu rất quý, vì xuất khẩu tạo công ăn việc làm, tạo phồn thịnh kinh tế và là tiền đề của độc lập kinh tế, độc lập quốc gia. Xuất siêu là nguồn ngoại tệ chủ yếu để thanh toán nợ quốc tế. Ngoại tệ xuất khẩu thuộc hoàn toàn quyền sử dụng của quốc gia, không lệ thuộc vào nước ngoài. Do đó, các quốc gia trên thế giới đều cố gắng xuất khẩu tối đa. Tuy nhiên, ngoại tệ xuất khẩu nằm trong tay các xí nghiệp: ngân hàng nên buộc các xí nghiệp xuất khẩu phải có L/C của ngoại quốc mở mới được phép xuất khẩu và ngoại tệ xuất khẩu phải bán cho ngân hàng. - Xuất siêu gây lạm phát, vì ngân hàng phải tung tiền Việt mua ngoại tệ của các nhà xuất khẩu. Ngược lại, nhập khẩu, do các nhà nhập khẩu phải đem tiền Việt đến ngân hàng mua ngoại tệ, gây giảm phát. Giảm phát xảy ra khi nhập siêu. Năm 1997, số chỉ số giá (được gọi là chỉ số lạm phát) chỉ có 4-5%, là do tác dụng giảm phát của nhập siêu 4 tỷ USD.

USD đầu tư nước ngoài cũng là một nguồn vốn quý, đặc biệt với những nước thiếu vốn như Việt Nam. Nếu nước ngoài đầu tư bằng máy chứ không phải bằng USD, coi chừng trường hợp máy xấu, đã xài rồi, ký



thuật lạc hậu, hoặc máy được coi giá lên cao. Tốt nhất là ngoại quốc đầu tư bằng USD, và USD này dùng để mua máy mới, hiện đại, qua thủ tục đầu thầu. Trường hợp nước ngoài đầu tư bằng USD, và USD này được đổi ra tiền Việt để mua, mượn hay bồi thường cho những người có đất, mặt bằng, hay mua dịch vụ, vật tư, máy, thuê nhân công ở Việt Nam, USD đầu tư ngoại quốc biến thành USD sở hữu Việt Nam. USD này có thể gọi là nguồn USD có được từ USD đầu tư nước ngoài.

Đầu tư nước ngoài có thể gây một số tác dụng tiêu cực : như khi nước ngoài đầu tư bia, nước ngọt, thuốc lá, (những mặt hàng không cần thiết và cạnh tranh lại các nhà sản xuất đã có trong nước). Đầu tư nước

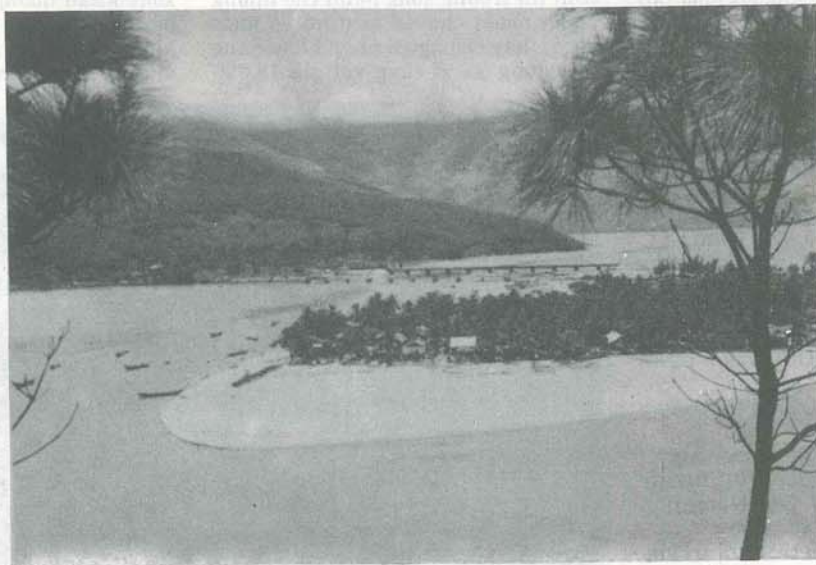
- Nhân công ra nước ngoài có dịp làm quen với cách sống, khoa học kỹ thuật của nước ngoài, cách tổ chức xã hội v.v... của họ, khi về xứ sẽ du nhập các điều tốt để hiện đại hoá Việt Nam.

- USD kiểu hối là nguồn ngoại tệ sở hữu Việt Nam, Việt Nam có quyền sử dụng 100% : nó quý như ngoại tệ xuất khẩu ở chỗ có thể dùng đầu tư, nhập khẩu hay trả nợ quốc tế tùy ý,

- Nhưng USD kiểu hối là ngoại tệ nằm ngoài ngân hàng, vì sở hữu chủ kiểu hối là những tư nhân ở nước ngoài, có quyền sử dụng kiểu hối và tùy nghi bán hay không bán cho ngân hàng, hoặc nếu không gởi tiền về, chủ kiểu hối cũng có thể gởi hàng về cho gia đình thay vì gởi tiền. Hàng có thể là những sản phẩm đã sản xuất được

hàng hóa, USD kiểu hối. USD du khách cũng có điểm giống USD kiểu hối ở điểm nằm ngoài ngân hàng : nếu ngân hàng mua với giá cao, thì du khách thuận bán cho ngân hàng, nếu ngân hàng không mua với giá cao, thì du khách bán cho người khác : người khác ở đây là những người mua hàng lậu, hàng quốc cấm, heroin hay phim sex, tất cả những thứ gì chúng ta cấm nhập nhưng dễ nhập lậu được thì bán với giá cao không khó trong nền kinh tế thị trường.

Vì vậy, nếu thu hút được USD du khách và kiểu hối được vào ngân hàng, sẽ triệt tiêu được nạn nhập hàng lậu ngay từ nguồn : các đối tượng làm những nghề đó sẽ khó tìm được USD để mua những hàng lậu và hàng quốc cấm.



ngoài nên dành cho những lĩnh vực mà Việt Nam chưa làm được, tốt nhất là nên dành cho việc làm hàng xuất khẩu. Vì lẽ khi ngoại quốc đầu tư, nhà máy thuộc quyền sở hữu của nước ngoài và phải cho phép họ chuyển lợi về xứ, họ cũng có quyền rút vốn về nếu đầu tư tại Việt Nam không có lợi. Khi nước ngoài ô ạt rút vốn về, có thể xảy ra khủng hoảng tài chánh kinh tế kiểu Mexico. Do vậy, khi các xí nghiệp nước ngoài làm hàng xuất khẩu, Việt Nam sẽ có ngoại tệ để cho họ rút vốn về hay chuyển ngân tiền lãi về nước họ : Việt Nam sẽ không sợ xảy ra khủng hoảng tài chánh kinh tế kiểu Mexico.

USD kiểu hối là những ngoại tệ do kiều bào gởi về. Trong điều kiện Việt Nam có mật độ dân số quá cao, nhân công chưa có đủ việc làm, kỹ thuật của ta còn quá lạc hậu, việc xuất khẩu lao động để có kiều hối có những lợi như sau :

- Giảm áp lực dân số đang tăng mạnh ở Việt Nam,

trong nước, cũng như, một số kiều bào đã gởi về cho gia đình ở Việt Nam những hàng may mặc do Việt Nam... xuất khẩu ra nước ngoài, rồi được kiều bào mua về gởi cho gia đình. Vì vậy, rõ ràng kiều bào gởi tiền tốt hơn là gởi hàng, Trong nền kinh tế thị trường, ngân hàng chỉ có một cách thu hút ngoại tệ nằm ngoài ngân hàng, đó là mua các ngoại tệ này với giá cao hơn giá thị trường. Vì vậy, khi Bộ tài chánh đánh thuế lên kiểu hối, (hay gián tiếp giảm giá USD kiểu hối), kiều bào đã phản ứng lại bằng cách gởi hàng thay vì gởi tiền, hoặc chuyển ngân không theo ngã ngân hàng, hoặc không chuyển ngân nữa về Việt Nam.

USD du khách : USD du khách có những điểm tương tự như USD xuất khẩu và USD kiểu hối. Hoạt động du lịch mang về nước một số lớn USD du khách, du lịch được coi như xuất khẩu nội biên. USD xuất khẩu nội biên hoàn toàn thuộc quyền sử dụng của Việt Nam cũng như USD xuất khẩu

II. CHẾ ĐỘ ĐA SUẤT VÀ VIỆC ỨNG DỤNG THU MUA USD DU KHÁCH VÀ KIỀU HỐI

Vì lẽ các nguồn ngoại tệ có nhiều đặc điểm khác nhau, đặc biệt là điều nằm trong hay ngoài ngân hàng, nên ở nước ngoài, chế độ đa suất đã được áp dụng để xử lý các ngoại tệ tùy trường hợp một.

1. Kỹ thuật tổ chức chế độ đa suất

Chế độ đa suất hay đồng bạc có nhiều tỷ giá khác nhau có những đặc điểm sau :

- Hối suất song hành cao hơn hối suất chính thức bao nhiêu phần trăm?
- Dành cho những nghiệp vụ gì ?
- Phải tổ chức một Quỹ bình ổn hối đoái.

Xin lần lượt trình bày 3 điểm trên.

a. Hối suất song hành cao hơn hối suất chính thức bao nhiêu phần trăm ?

Thí dụ tỷ giá chính thức : 15.000 VNĐ/USD. Tỷ giá song hành 16.500 đồng (nếu cao hơn 10%) hay 18.000 VNĐ (nếu cao hơn 20%). Theo thiên

ý, không nên ấn định sai biệt quá 20% vì không nên rời quá xa nguyên tắc 1 giá. Do tỷ giá chính thức luôn thay đổi, chỉ nên ghi rõ tỷ lệ cách biệt của tỷ giá song hành so với tỷ giá chính thức, (như 5-10-15 hay 20%), nhưng không nên ghi rõ số tiền (như 15000-16500-18000) để tránh trường hợp khi tỷ giá chính thức được điều chỉnh, ngân hàng lại quên không điều chỉnh tỷ giá song hành (như Ngân hàng quốc gia Sài Gòn các năm 1955-1968)

b. Dành cho những nghiệp vụ gì?

Thông thường ngân hàng liệt kê các nghiệp vụ được mua hay được bán trên 2 loại thị trường ngoại tệ chính thức và song hành. Từ được mua hay được bán có nghĩa là bắt buộc phải mua, phải bán và tùy trường hợp, sẽ bất lợi hay có lợi cho người mua hay người bán.

Thí dụ như hệ thống tỷ giá giả định song hành sau đây:

Chính thức : 15.000 VNĐ / USD

Song hành : cao hơn 20% (ngầm hiểu 1 USD = 18.000 VNĐ)

+ Được mua USD trên thị trường chính thức :

- Người nhập khẩu máy, vật tư chưa sản xuất được ở Việt Nam,

+ Được bán USD trên thị trường chính thức :

- Người xuất khẩu dầu thô, gạo, hàng may mặc, thủy sản v.v..., người đầu tư nước ngoài, USD nước ngoài viện trợ, cho vay....

+ Được mua USD trên thị trường song hành :

- Người xin du lịch ra nước ngoài, nhập khẩu hàng tiêu dùng, vật tư máy đã có thể chế tạo ở Việt Nam, tiền lời xin chuyển ngân về nước.

+ Được bán USD trên thị trường song hành :

- Bất cứ người nào có USD hay vàng đều có thể đem bán cho ngân hàng, không cần khai xuất xứ vì sao mà có, ngoại tệ du khách, kiều hối...

Qua danh sách trên thấy rõ từ *Được* có giá trị là *bắt buộc phải*. Thí dụ người xuất khẩu gạo, cà phê được bán USD trên thị trường chính thức chỉ thu được 15.000 VNĐ mỗi USD, còn các người có USD trôi nổi, kiều hối hay du khách lại được bán USD trên thị trường song hành với giá 18.000 VNĐ mỗi USD (cao hơn 20% hay 3000 VNĐ/USD). Lý do là các USD xuất khẩu, viện trợ, vay nước ngoài nằm trong tay ngân hàng, (nếu như ngân hàng, hải quan buộc tất cả các nghiệp vụ xuất nhập khẩu phải thanh toán bằng L/C) còn USD trôi nổi, du khách, kiều hối nằm ngoài ngân hàng: ngân hàng nếu không thu mua với giá cao thì những người buôn lậu sẽ tranh mua với ngân hàng.

Qua danh sách trên, thấy rõ rằng nhập khẩu máy, vật tư chưa chế

tạo được ở Việt Nam chỉ phải trả 15.000 VNĐ/USD, còn nhập khẩu máy, vật tư đã chế tạo được ở Việt Nam phải trả đến 18.000 VNĐ/USD, như vậy bản danh sách trên có tính bảo vệ hàng nội hóa.

c. Phải tổ chức một quỹ bình ổn hối đoái.

Ngoại tệ, dù kiểu hối, USD du khách hay xuất nhập khẩu các loại đều được Ngân hàng Nhà nước kế toán với giá chính thức. Nhưng thực tế, khi mua hay bán USD, lại có 2 giá khác nhau. Do đó, phải thiết lập Quỹ điều hòa tỷ giá để ghi các số lời hay số lỗ khi bán và khi mua với 2 giá khác nhau.

Thí dụ : Ngân hàng Nhà nước mua 1 USD du khách với giá 18.000 VNĐ. Nếu đem bán đồng USD này trên thị trường song hành cho những người muốn chuyển tiền lời về nước ngoài, hay cho người nhập khẩu hàng tiêu dùng xa xỉ cũng với giá 18.000

ngoại tệ xuất nhập khẩu đã là 17-18 tỷ USD năm 1996)

Muốn cho tác dụng giảm phát hay lạm phát không xảy ra, nên ấn định số mua và bán ngoại tệ trong thị trường song hành bằng nhau. Nói một cách khác, nên chuyển danh sách các nghiệp vụ "được" mua hay bán ngoại tệ trên thị trường song hành sao cho số lượng ngoại tệ mua và bán sắp xỉ bằng nhau. Muốn cho tác dụng giảm phát xảy ra, nên ấn định số bán nhiều hơn số mua. Ngược lại, nếu muốn tác dụng lạm phát xảy ra, nên ấn định số mua nhiều hơn số bán.

Thí dụ : năm 1996 Việt Nam có quá nhiều đường mía, mà giá đường lại thấp trên thị trường thế giới. Muốn cho xuất khẩu đường được thực hiện, có thể cho phép các nhà xuất khẩu đường hưởng tỷ giá song hành. Như vậy, tuy đường được xuất khẩu với giá rẻ, nhưng các nhà trồng mía và làm đường vẫn có lời.



VNĐ, thì ngân hàng không bị lỗ hối đoái. Nhưng trường hợp ngân hàng đem bán USD này cho người nhập khẩu máy, vật tư chưa chế tạo được ở Việt Nam với giá 15.000 đồng, ngân hàng bị lỗ 3.000 đồng VN. Trên nguyên tắc, nhà nước phải chịu số lỗ trên. Trên thực tế, ngân hàng phải ứng tiền cho nhà nước để bù lỗ hối đoái, nên Ngân hàng nhà nước gánh các số lỗ hối đoái và các số lỗ hối đoái gây tác dụng lạm phát.

Trường hợp ngược lại, ngân hàng mua 1 USD trên thị trường chính thức với giá 15.000 đồng và đem bán USD này trên thị trường song hành với giá 18.000, sẽ lãi 3.000 đồng. Số lãi này gây tác dụng giảm phát vì ngân hàng thu hút bớt tiền đang lưu thông.

Tác dụng lạm phát hay giảm phát do việc điều hành Quỹ bình ổn hối đoái rất mạnh, vì tổng số ngoại tệ bán và mua và bán hàng năm có thể lên đến trên 20 tỷ USD / năm (

Chính vì các nước ngoài áp dụng chế độ đa suất yểm trợ các nhà xuất khẩu của họ, nhiều nước không phải chỉ có 2 tỷ giá, mà nhiều tỷ giá khác nhau, các tỷ giá được linh động áp dụng để giúp cho các nhà xuất khẩu nước họ bán được nhiều hàng, nên mặc dù Việt Nam là một xứ nhiệt đới, trồng mía rất dễ dàng và cây mía mọc rất mạnh, nhân công của Việt Nam lương rất thấp, mà đường mía nhập khẩu giá chỉ có 3.500 đồng trong khi giá đường Việt Nam lên đến 6.000 đồng/kg. Muốn cho ngành mía Việt Nam xuất khẩu được, cần phải cho các nhà xuất khẩu đường mía được hưởng tỷ giá song hành.

Hệ thống đa suất có rất nhiều lợi : thu hút ngoại tệ ngoài ngân hàng, chống buôn lậu từ gốc, tiết kiệm ngoại tệ, khuyến khích xuất khẩu v.v... mà hệ thống đơn suất không có. Do đó, nên nghiên cứu áp dụng tại Việt Nam ■